TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUAN HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2023/QĐST-HNGĐ	*Quan Hóa, ngày 28 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 146, 212, 213, Điều 370, 371, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Hà Văn Q - sinh năm 1992

Địa chỉ: Bản Kh, xã N, huyện Q, tỉnh T.

CCCD số: 038092045894 Nơi cấp: Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư, Tổng cục cảnh sát, Bộ công an.

+ Phạm Thị L - sinh năm 1997

Địa chỉ: Bản Kh, xã N, huyện Q, tỉnh T.

CCCD số: 038197026371 Nơi cấp: Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư, Tổng cục cảnh sát, Bộ công an.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn Q và chị Phạm Thị L xây dựng gia đình với nhau từ năm 2014, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị

ai ép buộc; được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương và có đăng kí kết hôn tại UBND xã N, huyện Q, tỉnh T vào ngày 16/12/2014. Sau khi kết hôn, trong thời gian đầu vợ chồng chung sống đầm ấm hạnh phúc. Tuy nhiên đến khoảng đầu năm 2018 thì tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Tuy hai bên gia đình và chính quyền địa phương đã nhiều lần dàn xếp hòa giải nhưng tình hình vẫn không được cải thiện. Đến nay các đương sự đều nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được; đời sống chung không thể kéo dài nên các đương sự đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Thu H (sinh ngày 21/4/2014). Nguyện vọng của cháu H là muốn sống cùng bố. Nay ly hôn, các đương sự thống nhất thỏa thuận giao cháu Hà Thu H cho anh Hà Văn Q là người chăm sóc, nuôi dưỡng; cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Quyền không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị L tự nguyện nộp lệ phí giải quyết việc HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

Xét thấy yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên được Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hà Văn Q và chị Phạm Thị L.

+ Về con chung: Giao cháu Hà Thu H (sinh ngày 21/4/2014) cho anh Hà Văn Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị L tự nguyện nộp lệ phí giải quyết việc HNGĐ sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); được đối trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0012821 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Người yêu cầu;
-VKSND huyện Quan Hóa (02 bản);
-TAND tỉnh Thanh Hóa (Phòng KTNV);
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
-UBND xã Nam Động;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lữ Thị Mai